TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 360/2023/HC-PT
Ngày: 25-9-2023
V/v "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 190/2023/TLPT-HC ngày 21/8/2023 về việc *"Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3127/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976. Địa chỉ: số C, Ngô Thị L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh C, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Nguyên C1 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ, vắng mặt.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Phó Chủ tịch, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị Hồng T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: số D, M, tổ B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T *trình bày:*

Nội dung Quyết định số 1165/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND thành phố Đ ký ngày 28/4/2022 là không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu sô 2732/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết Đơn khiếu nại của ông T. Nội dung khiếu nại chỉ yêu cầu giải quyết, chấp nhận xét đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Ngọc T đối với lô đất tại C N, phường H, quận H. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, các cơ quan giải quyết khiếu nại là Chủ tịch UBND quận H và Chủ tịch UBND thành phố Đ không đưa được một giấy tờ mua bán thửa đất (số C N, phường H) có chữ ký đồng hành về quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Hồng T1. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và chia tài sản chung cũng không có mục nào nhắc hoặc ghi là lô đất tại C N, phường H là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà T1 (chưa chia theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự) theo Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGD ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu về việc công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của các đương sự (kèm Biên bản làm việc tại phòng tiếp công dân, Trung tâm hành chính thành phố ngày 02/11/2021). Trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 (lần 02) của Chủ tịch UBND thành phố Đ có ghi theo quy định tại khoản 4 Điều 93 Luật đất đai 2013, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải ghi cả tên vợ và chồng vào Giấy chứng nhận, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận ghi tên một người, đã có bản án ly hôn thì còn gì nữa mà buộc ông T làm Giấy chứng nhận quyền sử đất đứng tên hai người.

Ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết hủy Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T (lần 02).

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Ngọc T có bổ sung nội dung khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tuyên hủy các quyết định hành chính liên quan là:

- Hủy Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (lần đầu).

- Hủy Văn bản số 904/UBND-PTNMT của Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng về việc xử lý Đơn của ông Nguyễn Ngọc T liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với lô đất số 42, phân khu B Khu dân cư S N, phường H.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ *vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng có Văn bản số 790/UBND-STNMT ngày 23/02/2023 gửi Tòa án trình bày:*

1. *Về nguồn gốc sử dụng đất*: Ông Nguyễn Ngọc T nhận chuyển đổi tên từ ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị L1 (hộ thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư S N) đối với lô đất số 42, phân khu B đường N thuộc Khu dân cư S N, phường H theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/4/2005, được Phòng Công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng chứng nhận và Giấy cam kết về việc Giao quyền đứng tên sử dụng đất đã được UBND phường K, quận H, thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 11/4/2005.

2. *Về quá trình giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

Ngày 27/02/2019, ông Nguyễn Ngọc T nộp đơn đề nghị giao đất thì việc cho phép chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đã ký cam kết chuyển đổi tên trước ngày 30/6/2014 trên địa bàn thành phố vẫn thực hiện hiện theo Công văn số 3292/UBND-QLĐTh ngày 18/4/2014 và Công văn số 3317/UBND-QLĐTh ngày 08/5/2015 của UBND thành phố; trong đó có nội dung: "Giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm thông báo chủ trương nêu trên trên phương tiện thông tin đại chúng và UBND các phường/xã, để các trường hợp đã có giấy cam kết chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2014 đến liên hệ để nộp tiền sử dụng đất và giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận. Kể từ ngày 01/10/2015 trở về sau không giải quyết bất cứ trường hợp nào".

Đến ngày 20/8/2019, Tòa án nhân dân quận Hải Châu ban hành Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Theo đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Hồng T1 và ông Nguyễn Ngọc T. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc giao đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND quận H có Thông báo số 61/TB-UBND ngày 08/5/2020 về kết luận của Chủ tịch UBND quận H tại cuộc họp liên quan đến thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc T; trong đó có nội dung "Giao Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản quận hướng dẫn ông Nguyễn Ngọc T tiến hành các thủ tục đăng báo, niêm yết tại địa phương để xác định không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất. Giao UBND phường H xác minh, thông báo niêm yết trong 30 ngày. Giao Thanh tra quận xác minh nơi ở của ông T". Các thủ tục đăng báo, đài và niêm yết tại địa phương đã được UBND phường H và ông T thực hiện xong, chưa thấy tổ chức, cá nhân nào gởi đơn khiếu kiện và tranh chấp.

Ngày 16/12/2020, UBND thành phố có Công văn số 8338/UBND-STNMT triển khai Nghị quyết của HĐND thành phố Đ Khóa IX, kỳ họp thứ 16, nhiệm kỳ 2016-2021. Theo đó, giải quyết vướng mắc về thu nợ tiền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất tái định cư: "Thống nhất giải quyết thu nợ tiền sử dụng đất theo Nghị định số 79/NĐ-CP, Công văn số 817/UBND-STC ngày 20/12/2019 của UBND thành phố và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các trường hợp chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất tái định cư đã lập thủ tục cam kết chuyển đổi tên trước ngày 01/7/2014 (ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực

thực hiện), không thực hiện ban hành quyết định giao đất và theo trình tự thủ tục như sau: Người nhận chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất tái định cư (gọi tắt là người mua) được thanh toán tiền sử dụng đất còn nợ (nếu có) thay cho người chuyển đổi tên nhận quyền sử dụng đất tái định cư (gọi tắt là người bán) hoàn thành chậm nhất đến 17 giờ 30 phút ngày 28/02/2021 để được thụ hưởng chính sách ưu đãi theo Nghị định số 79/NĐ-CP, trả nợ tiền sử dụng đất kể từ ngày 01/3/2021 trở về sau thì phải thanh toán số tiền còn nợ theo chính sách và giá đất tại thời điểm trả nợ".

Thực hiện Công văn số 8338/UBND-STNMT của UBND thành phố ngày 22/12/2020 ông T nộp hồ sơ Lập thông báo thu nợ tiền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ban quản lý công trình xây dựng cơ bản quận H; đồng thời nộp vào Ngân sách Nhà nước các khoản tiền về thuế thu nhập từ bất động sản, đất được nhà nước giao, lệ phí trước bạ đối với lô đất số 42, phân khu B1-33 (nộp ngày 15/01/2021).

Ngày 05/02/2021, Ban quản lý công trình xây dựng cơ bản quận H có Công văn số 103/BQLXDCB-GPMB bổ sung, trả hồ sơ lập thủ tục nộp tiền, giao đất, trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó có nội dung: "Yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T bổ sung giấy tờ chứng minh lô đất số 42, phân khu B đường N, dự án khu dân cư S N là tài sản riêng của ông". Ngày 07/4/2021, UBND quận H có Công văn số 665/UBND-PTNMT đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải Châu có ý kiến đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T.

Ngày 15/4/2021, Tòa án nhân dân quận Hải Châu có Công văn số 189/CV-TA phản hồi gửi UBND quận H với nội dung: *"Lý do bà* T1 *xin rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn thì Tòa án nhân dân quận Hải Châu không rõ vì bà* T1 *không đề cập trong nội dung đơn. Việc ông* T *cho rằng lô đất nêu trên là tài sản riêng của một mình ông nên đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng tên một mình ông* T*, Tòa án nhân dân quận Hải Châu không có ý kiến vì ông* T *và bà* T1 *không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung khi ly hôn nên Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGĐ tại phần về tài sản chung và nợ chung Tòa án đã quyết định: Ông* T *và bà* T1 *không yêu cầu Tòa án giải quyết".*

Trên cơ sở văn bản phản hồi của Tòa án nhân dân quận Hải Châu ngày 07/5/2021, UBND quận H ban hành Công văn số 904/UBND-PTNMT về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Ngọc T; trong đó có nội dung:*"Căn cứ quy định tại Điều 33, Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, UBND quận chưa đủ cơ sở để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 42, phân* khu B đường N thuộc khu dân cư S N, phường H *đứng tên một mình ông* Nguyễn Ngọc T*".* Ngày 03/6/2021, ông T có đơn khiếu nại Công văn số 904/UBND-PTNMT ngày 07/5/2021 của UBND quận H.

Ngày 09/7/2021, Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, trú tại số C N, quận H, thành phố Đà Nẵng với nội dung: Giữ nguyên Công văn số 904/UBND-PTNMT ngày 07/5/2021 của UBND quận H về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Ngọc T".

3. Từ cơ sở trên nhận thấy ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1976 và bà Bùi Thị Hồng T1 sinh năm 1972 kết hôn với nhau vào năm 2002 (đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H), có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh năm 2003 và Nguyễn Hồng Bảo N, sinh năm 2004. Đến năm 2005, ông T nhận chuyển đổi tên từ ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị L1 lô đất số 42, phân khu B; xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên lô đất để sinh sống tại đó cho đến nay.

Việc ông T nhận chuyển nhượng lô đất số 42, phân khu B1-33 năm 2005 (thông qua hình thức cam kết chuyển đổi tên) là trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà T1; ông T cũng không cung cấp được các hồ sơ, tài liệu chứng minh đây là tài sản riêng của mình. Căn cứ quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc xác định tài sản có trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng hay tài sản chung của vợ, chồng không căn cứ vào việc người nào đứng tên thực hiện giao dịch mà dựa vào nguồn gốc tạo dựng nên tài sản.

Mặt khác theo quy định tại khoản 4 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải ghi cả họ tên vợ và chồng vào Giấy chứng nhận, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người.

Từ các căn cứ như đã nêu trên, việc UBND quận H yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T cung cấp giấy tờ chứng minh lô đất số 42, phân khu B đường N, dự án khu dân cư S N, phường H là tài sản riêng của ông để bổ sung vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên một mình ông Nguyễn Ngọc T là đúng theo quy định pháp luật về hồ sơ, thủ tục để thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Việc ông T cho rằng Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông và bà T1 kể cả vấn đề tài sản. Theo khoản 7, 8 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự thì tài sản giữa ông và bà T1 là vô hiệu. Theo khoản 3 Điều 100 Luật đất đai thì ông đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 31 Ngô Thị L.

Về việc này ngày 15/4/2021, Tòa án nhân dân quận Hải Châu có Công văn số 189/CV-TA với nội dung: "Lý do bà T1 xin rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn thì Tòa án nhân dân quận Hải Châu không rõ vì bà T1 không đề cập trong nội dung đơn. Việc ông T cho rằng lô đất nêu trên là tài sản là tài sản riêng của một mình ông nên đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên một mình ông T, Tòa án nhân dân quận Hải Châu không có ý kiến vì ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung khi ly hôn nên Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGĐ tại phần về tài sản chung và nợ chung Tòa án đã quyết định: Ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết".

Do đó ông T cho rằng Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã chấm dứt quan hệ về tài sản giữa ông và bà T1 và ông đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 31 Ngô Thị L theo khoản 3 Điều 100 Luật đất đai là không có cơ sở.

Từ các cơ sở trên, Chủ tịch UBND thành phố khẳng định Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Ngọc T là đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố bác nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T; giữ nguyên Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Ngọc T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H *trong quá trình tố tụng có văn bản số 802/UBND-TTr ngày 30/3/2023 gửi Tòa án trình bày:*

1. Đối với việc Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T:

a) Chủ tịch UBND quận đã căn cứ vào các cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Luật đất đai năm 2013:

- Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.

b) Về trình tự thủ tục giải quyết

Chủ tịch U trình tự, thủ tục giải quyết và đảm bảo tiến độ thời gian được quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, cụ thể:

- Ngày 03/6/2021, UBND quận nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T;

- Ngày 04/6/2021, Văn phòng HĐND-UBND có Công văn số 190/VP-BTCD giao Thanh tra quận tham mưu xử lý;

Ngày 11/6/2021, Thanh tra quận lập biên bản làm việc với ông Nguyễn Ngọc T để làm rõ nội dung khiếu nại;

- Ngày 15/6/2021, Chủ tịch UBND quận ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại; cùng ngày Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định số 2141/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại;

- Ngày 16/6/2021, Tổ xác minh ban hành Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại;

- Ngày 18/6/2021, Tổ xác minh làm việc với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận H;

- Ngày 21/6/2021, Tổ xác minh làm việc với Ban Q;

- Ngày 22/6/2021, Tổ xác minh làm việc với UBND phường H.

- Ngày 22/6/2021, Tổ xác minh làm việc với bà Bùi Thị Hồng T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Ngọc T.

- Ngày 25/6/2021, Tổ xác minh làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường quận H;

- Ngày 29/6/2021, Thanh tra quận báo cáo Chủ tịch UBND quận về kết quả xác minh nội dung khiếu nại;

- Ngày 08/7/2021, Chủ tịch UBND quận tổ chức đối thoại với người khiếu nại;

- Ngày 09/7/2021, Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T (lần đầu).

2. Đề nghị của UBND quận H:

UBND quận H ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, đúng trình tự, thủ tục, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật khiếu nại, đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó đề nghị giữ nguyên Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Hồng T1 *vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình tố tụng đều không có ý kiến đối với yêu cầu của khởi kiện.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 và Điều 213 của Luật tố tụng hành chính.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T đối với Chủ tịch UBND thành phố Đ, UBND và Chủ tịch UBND quận H, thành phố Đà Nẵng.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu: Tuyên hủy các Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T (lần 2); Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (lần đầu) và Văn bản số 904/UBND-PTNMT của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Đà Nẵng về việc xử lý Đơn của ông Nguyễn Ngọc T liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với lô đất số 42, phân khu B Khu dân cư S N, phường H.

Ngày 07/7/2023, ông Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T có kháng cáo đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Các đương sự vắng mặt xin xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử. Về nội dung: Ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, do đó đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người khởi kiện có kháng cáo ông Nguyễn Ngọc T đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt; người bị kiện và người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T, thấy:

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị Hồng T1, sinh năm 1972 kết hôn với nhau vào năm 2002 (đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H), có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh năm 2003 và Nguyễn Hồng Bảo N, sinh năm 2004. Ngày 07/4/2005, ông T nhận chuyển nhượng (đổi tên) từ ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị L1 lô đất số 42, phân khu B Khu dân cư S N Đà Nẵng theo Giấy cam kết V/v giao quyền đứng tên sử dụng đất ngày 07/4/2005 (BL19) và Hợp đồng ủy quyền ngày 07/4/2005 được Văn phòng C2 thành phố Đà Nẵng xác thực (BL 26, 27, 28); ông T xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên lô đất để sinh sống tại đó cho đến nay. Năm 2019 ông T và bà T1 ly hôn tại Quyết định số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 (BL 39) của Tòa án nhân dân quận Hải Châu về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, tại Quyết định này công nhận về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản là quyền sử dụng đất và nhà nói trên được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của ông T và bà T1 đang tồn tại (năm 2005) là tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; theo quy định tại khoản 4 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phải ghi cả họ tên vợ và chồng vào Giấy chứng nhận, trừ trường hợp vợ và chồng có thỏa thuận ghi tên một người. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Ngọc T cho rằng ông và bà Bùi Thị Hồng T1 có thỏa thuận về tài sản nói trên, tuy nhiên ông không có chứng cứ gì chứng minh lời khai của mình. Vì vậy, Chủ tịch UBND quận H ban hành Công văn số 904/UBND-PTNMT ngày 07/5/2021 về việc xử lý đơn của ông Nguyễn Ngọc T; trong đó có nội dung: *"Căn cứ quy định tại Điều 33, Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, UBND quận chưa đủ cơ sở để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 42, phân* khu B đường N thuộc khu dân cư S N, phường H *đứng tên một mình ông* Nguyễn Ngọc T*"* là đúng quy định của pháp luật. Do đó, các Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND quận H, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (lần đầu) và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T (lần 2) với kết quả giải quyết là không chấp nhận việc khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông T có xuất trình giấy viết tay Biên bản họp gia đình ông T, giấy xác nhận của ông Trần Văn H có nội dung xác nhận tiền mua

lô đất của ông T do ông T3, bà Q mua; việc ông T kháng cáo cho rằng lô đất trên là tài sản riêng của ông được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu của ông T về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T là có căn cứ và đúng pháp luật. Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Về án phí hành chính:

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005170 ngày 13/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009831 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí hành chính sơ và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn